

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/KDTM-ST

Ngày: 27/9/2018.

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông H Minh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hươn.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 30/2017/TLST- KDTM ngày 27 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST - KDTM ngày 22 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-KDTM ngày 10/9/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần T. Tên giao dịch S.

Địa chỉ trụ sở chính: N, phường M, quận L, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đ Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Quang Đ, sinh năm: 1988.

Chức vụ Trưởng phòng giao dịch H. (Văn bản ủy quyền ngày 28/9/2017).

1. Bị đơn: Chị Võ Thị N, sinh năm: 1982.

Anh Trần Mạnh H, sinh năm: 1978.

Cùng hộ khẩu thường trú: xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2017 và tại bản tự khai thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 25/9/2018 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phạm Quang Đ trình bày:

Giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần T với chị Võ Thị N và anh Trần Mạnh H có ký kết các hợp đồng tín dụng vay vốn các lần vay như sau:

- **Lần 1:** Chị N và anh H ký kết với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần T hợp đồng tín dụng số LD 1420020051 ngày 25/7/2014 vay số tiền 390.000.000đồng (ba trăm chín mươi triệu đồng). Phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng theo dư nợ, vốn gốc trả 60 kỳ, mỗi kỳ là 01 tháng. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất: 03 tháng đầu tiên 1,1%/tháng, kỳ điều chỉnh đầu tiên áp dụng từ tháng thứ 04 bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của S tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 0,4%/tháng. Chu kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần. Mục đích vay để bổ sung vốn mua xe tải vận chuyển hàng hóa.

Tính đến ngày 21/8/2018, chị N và anh H đã thanh toán đủ cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần T khoản nợ của hợp đồng trên.

- **Lần 2:** Chị N và anh H ký kết với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần T hợp đồng tín dụng số LD 1434500323 ngày 12/12/2014 vay số tiền 380.000.000đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng). Phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng theo dư nợ, vốn gốc trả 60 kỳ, mỗi kỳ là 01 tháng. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất: 03 tháng đầu tiên 1,05%/tháng, kỳ điều chỉnh đầu tiên áp dụng từ tháng thứ 04 bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của S tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 0,4%/tháng. Chu kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần. Mục đích vay để bổ sung vốn mua xe tải vận chuyển hàng hóa.

Tại thời điểm trả nợ ngày 12/01/2018 và tính đến nay, chị N và anh H không thanh toán nợ gốc và lãi như đã cam kết trong hợp đồng.

Dư nợ đến ngày 29/7/2018 là 149.042.394đồng (một trăm bốn mươi chín triệu không trăm bốn mươi hai ngàn ba trăm chín mươi bốn đồng).

Trong đó:

Nợ gốc: 132.974.000đồng (một trăm ba mươi hai triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

Lãi trong hạn: 12.320.918đồng (mười hai triệu ba trăm hai mươi ngàn chín trăm mười tám đồng).

Lãi quá hạn: 6.160.000đồng (sáu triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng).

Tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu Veam. Biển số 60C – 168.30, số khung K1B6ELG01887, số máy D4BHE022740, theo giấy đăng ký xe ô tô số 008413 do Phòng CSGT Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/12/2014. Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1379-01182/TC ngày 12/12/2014 tại Văn phòng Công Chứng A. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 16/12/2014 tại Trung Tâm Đăng Ký Giao Dịch, Tài Sản Tại Đ.

Lần 3: Chị N và anh H ký kết với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần T hợp đồng tín dụng số LD 1605800115 ngày 01/3/2016 vay số tiền 530.000.000đồng (năm trăm ba mươi triệu đồng). Phương thức trả nợ: Lãi trả hàng tháng theo dư nợ, vốn gốc trả 60 kỳ, mỗi kỳ là 01 tháng. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất: 03 tháng đầu tiên 12,5%/tháng, kỳ điều chỉnh đầu tiên áp dụng từ tháng thứ 04 bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của S tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,5%/tháng. Chu kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần. Mục đích vay để bổ sung vốn mua xe tải vận chuyển hàng hóa.

Tại thời điểm trả nợ ngày 25/10/2017 và tính đến nay, chị N và anh H không thanh toán nợ gốc và lãi như đã cam kết trong hợp đồng. Dư nợ đến ngày 27/9/2018 là 383.970.135đồng (ba trăm tám mươi ba triệu chín trăm bảy mươi ngàn một trăm ba mươi lăm đồng).

Trong đó:

Nợ gốc: 332.079.673đồng (ba trăm ba mươi hai triệu không trăm bảy mươi chín ngàn sáu trăm bảy mươi ba đồng).

Lãi trong hạn: 39.002.881đồng (ba mươi chín triệu không trăm lẻ hai ngàn tám trăm tám mươi một đồng).

Lãi quá hạn: 19.501.441đồng (mười chín triệu năm trăm lẻ một ngàn bốn trăm bốn mươi một đồng).

Tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu Veam. Biển số 60C – 258.28, số khung B173FMM03193, số máy D4DBFJ599762, theo giấy đăng ký xe ô tô số 059774 do Phòng CSGT Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/02/2016. Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1558/TC ngày 01/3/2016 tại S –PGD Đông Hòa.

Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/3/2016 tại Trung Tâm Đăng Ký Giao Dịch Tài Sản Tại Đ.

Nay Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần T yêu cầu chị N và anh H phải thanh số nợ tổng cộng của hai hợp đồng số LD 1434500323 ngày 12/12/2014 và số LD 1605800115 ngày 01/3/2016 là 542.039.372 đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu không trăm ba mươi chín ngàn ba trăm bảy mươi hai đồng). Trường hợp chị N và anh H không có khả năng thanh toán số nợ trên thì dùng tài sản mà chị N và anh H đã thế chấp để đảm bảo thi hành án. Đối với hợp đồng số LD 1420020051 ngày 25/7/2014 vay số tiền 390.000.000 đồng (ba trăm chín mươi triệu), chị N và anh H đã thanh toán xong nên Ngân hàng T không yêu cầu thanh toán.

Bị đơn anh Trần Mạnh H không có lời khai. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07 tháng 3 năm 2018 bị đơn chị Võ Thị N trình bày:

Anh Trần Mạnh H là chồng của chị, anh H có kêu chị ký hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần T để anh H mua 03 xe ô tô, còn nội dung vay và mua xe như thế nào chị không được biết. Hiện anh H đi làm, sáng đi tối mới về nhà, chị không biết anh H làm ở đâu.

Do việc mua xe là do anh H đứng ra mua xe để chạy thuê và trả nợ cho Ngân hàng nên chị hoàn toàn không biết gì về vấn đề nợ giữa anh H và chị với Ngân hàng. Chị N có ý kiến xin vắng mặt.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần T với chị Võ Thị N và anh Trần Mạnh H là tranh chấp hợp đồng tín dụng, đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 5 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho chị Võ Thị N và anh Trần Mạnh H, chị N xác nhận chị và anh H đã nhận được giấy triệu tập và thông báo thụ lý của Tòa án, lời trình bày của chị N thể hiện tại biên bản giao ngày 01 tháng 02 năm

2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Sau khi nhận được giấy triệu tập chị N và anh H không đến Tòa án làm việc. Ngày 01 tháng 02 năm 2018, Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập lần hai cho chị N và anh H để triệu tập chị N và anh H đến Tòa án làm việc, nhưng ngày 09/02/2018 anh H và chị N vẫn vắng mặt. Ngày 07/3/2018, Tòa án tiến hành xuống địa phương trực tiếp lấy lời khai của chị N, riêng anh H không có mặt tại địa phương. Ngày 10/7/2018, Tòa án tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh H vắng mặt không có lý do, Tòa án ra thông báo hoãn phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 26/7/2018 Tòa án tiếp hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, do anh H vắng mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho anh H. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-KDTM ngày 22/8/2018 tổng đạt hợp lệ cho chị N và anh H. Ngày 10/9/2018, anh H vẫn vắng mặt tại phiên Tòa, Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-KDTM ngày 10/9/2018, tòa án xét xử lại ngày 27/9/2018, anh H vẫn vắng mặt không có lý do, đối với chị N có yêu cầu giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt chị, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H và chị N.

Nội dung vụ án:

[1]. Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng số LD 1420020051 ngày 25/7/2014 vay số tiền 390.000.000đồng; hợp đồng tín dụng số LD 1434500323 ngày 12/12/2014 vay số tiền 380.000.000đồng và hợp đồng tín dụng số LD 1605800115 ngày 01/3/2016 vay số tiền 530.000.000đồng, được ký kết giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần T với chị N và anh H do nguyên đơn cung cấp, bị đơn chị N xác định là đúng và có việc vay tiền là để chị N và anh H mua 03 xe ô tô, thế chấp lại chính xe đã mua, nhưng chị N không biết rõ việc sử dụng xe ô tô được mua từ khoản tiền vay cũng như trả nợ hàng tháng cho Ngân hàng T như thế nào vì vấn đề này do anh H là chồng chị N quản lý. Đối với anh H mặc dù Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh H cũng như nhiều lần triệu tập anh H để đến Tòa giải quyết vụ án, như vậy anh H đã biết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với anh H và chị N nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và trong thời gian tiến hành tố tụng chị N và anh H đã thanh toán đủ cho Ngân hàng T toàn bộ khoản nợ vay của hợp đồng tín dụng số LD 1420020051 ngày 25/7/2014, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định chị N và anh H có ký kết các hợp đồng tín dụng số LD 1434500323

ngày 12/12/2014 và Hợp đồng tín dụng số LD 1605800115 ngày 01/3/2016 với Ngân hàng T.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng chị N và anh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận với Ngân hàng T. Nên việc Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu chị N và anh H phải thanh toán cho Ngân hàng T khoản tiền còn nợ cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số LD 1434500323 ngày 12/12/2014 số tiền vay 380.000.000đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng): còn nợ số tiền 149.042.394đồng (một trăm bốn mươi chín triệu không trăm bốn mươi hai ngàn ba trăm chín mươi bốn đồng)).

Hợp đồng tín dụng số LD 1605800115 ngày 01/3/2016 số tiền vay 530.000.000đồng (năm trăm ba mươi triệu đồng) còn nợ số tiền 383.970.135đồng (ba trăm tám mươi ba triệu chín trăm bảy mươi ngàn một trăm ba mươi lăm đồng)

Yêu cầu trên của Ngân hàng T là hoàn toàn có cơ sở nên chấp nhận.

[2]. Tài sản thế chấp để đảm bảo thanh toán nợ cho Ngân hàng T của chị N và anh H là 02 xe ô tô:

- Xe ô tô hiệu Veam. Biển số 60C – 168.30, số khung K1B6ELG01887, số máy D4BHE022740, theo giấy đăng ký xe ô tô số 008413 do Phòng CSGT Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/12/2014. Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1379-01182/TC ngày 12/12/2014 tại Văn phòng Công Chứng A. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 16/12/2014 tại Trung Tâm Đăng Ký Giao Dịch, Tài Sản Tại Đ.

- Xe ô tô hiệu Veam. Biển số 60C – 258.28, số khung B173FMM03193, số máy D4DBFJ599762, theo giấy đăng ký xe ô tô số 059774 do Phòng CSGT Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/02/2016. Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 1558/TC ngày 01/3/2016 tại S –PGD Đông Hòa. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/3/2016 tại Trung Tâm Đăng Ký Giao Dịch Tài Sản Tại Đ.

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tổng đạt hợp lệ, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành tốt pháp luật.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T, buộc chị Võ Thị N và anh Trần Mạnh H phải trả cho Ngân hàng T số nợ 542.039.372 đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu không trăm ba mươi chín ngàn ba trăm bảy mươi hai đồng).

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T về việc buộc chị N và anh H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T, nên áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị N và anh H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5; khoản 5 Điều 30; điểm b khoản Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 150; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 317; Điều 323; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật Các Tổ Chức Tín Dụng.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần T. Buộc chị Võ Thị N và anh Trần Mạnh H phải trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần T số tiền:

- 149.042.394 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu không trăm bốn mươi hai ngàn ba trăm chín mươi bốn đồng) của Hợp đồng tín dụng số LD 1434500323 ngày 12/12/2014.

- 383.970.135đồng (ba trăm tám mươi ba triệu chín trăm bảy mươi ngàn một trăm ba mươi lăm đồng) của Hợp đồng tín dụng số LD 1605800115 ngày 01/3/2016.

Tổng cộng 542.039.000đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu không trăm ba mươi chín ngàn đồng, đã làm tròn).

Kể từ ngày 28/9/2018, chị N và anh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số LD 1434500323 ngày 12/12/2014 và Hợp đồng tín dụng số LD 1605800115 ngày 01/3/2016.

Tài sản thế chấp để đảm bảo công tác thi hành án:

- Xe ô tô hiệu Veam. Biển số 60C – 168.30, số khung K1B6ELG01887, số máy D4BHE022740, theo giấy đăng ký xe ô tô số 008413 do Phòng CSGT Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/12/2014.

- Xe ô tô hiệu Veam. Biển số 60C – 258.28, số khung B173FMM03193, số máy D4DBFJ599762, theo giấy đăng ký xe ô tô số 059774 do Phòng CSGT Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/02/2016.

Về án phí: Chị N và anh H phải chịu 25.681.500đồng (hai mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi một ngàn năm trăm đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.500.000đồng (mười lăm triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 005260 ngày 26/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị N và anh H còn phải chịu 700.000đồng (bảy trăm ngàn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, do Ngân hàng T đã tạm nộp số tiền trên nên buộc chị N và anh H phải thanh toán cho Ngân hàng T 700.000đồng (bảy trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND huyện Long Thành.
- THADS huyện Long Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

H Minh Sang